

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS CÁT LÁI**

**CUỘC ĐỜI, SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VẼ VANG
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**



Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà ái quốc chân chính, nhà cách mạng sáng suốt, vị lãnh tụ thiên tài. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Người gắn liền với lịch sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam. Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội. Năm 1987, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) đã tôn vinh Hồ Chí Minh là “Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam”.

Giai đoạn từ năm 1890 đến năm 1911

Chủ tịch Hồ Chí Minh (tên lúc nhỏ là Nguyễn Sinh Cung, tên khi đi học là Nguyễn Tất Thành, khi hoạt động cách mạng trước đây lấy tên là Nguyễn Ái Quốc). Người sinh ngày 19/05/1890, tại quê mẹ là làng Hoàng Trù (thường gọi là làng Trù) huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An). Thân phụ là Nguyễn Sinh Sắc, thân mẫu là Hoàng Thị Loan. Người sinh ra trong một gia đình nhà Nho yêu nước, ngay từ thuở nhỏ đã tiếp thu được truyền thống yêu nước, lòng nhân ái từ gia đình và quê hương đất nước.



Ngôi nhà ba gian nơi sinh ra Bác

Trong thời gian 10 năm sống ở Huế - trung tâm văn hóa, chính trị của đất nước, Người tiếp xúc với nhiều sách báo Pháp, với nền văn hóa mới và những bàn luận về các phong trào chống Pháp của các sĩ phu yêu nước.

Sống trong hoàn cảnh đất nước chìm dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, Người đã chứng kiến sự đối lập giữa cuộc sống lao động nghèo khổ của nhân dân với cảnh sống xa hoa, phê phỡn của bọn thực dân Pháp. Người đã thấy được những cuộc biểu tình chống sưu thuế của nông dân bị đàn áp dã man và sự thất bại của các phong trào yêu nước. Theo Người, muốn cứu nước phải tìm ra một con đường cách mạng mới. Có thể nói, tình yêu quê hương, đất nước và gia đình đã hình thành nên người thanh niên Nguyễn Tất Thành một nhân cách giàu lòng yêu nước, có hoài bão cứu nước cứu dân và thấu hiểu được sức mạnh của ý chí độc lập tự cường của dân tộc. Với một ý chí nghị lực phi thường, Người đã quyết tâm tìm cách sang Pháp và các nước phương Tây, Người khẳng định: "Tôi muốn ra nước ngoài xem, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào

chúng ta". Người cho rằng dân tộc Việt Nam đang là một dân tộc mất quyền độc lập và nhiệm vụ của những người Việt Nam yêu nước là phải đấu tranh giành lại quyền độc lập.

Giai đoạn từ năm 1911 đến năm 1920

Để thực hiện hoài bão của mình, ngày 05/06/1911, Người lên con tàu Đô đốc Latútso Torêvin, từ bến cảng Nhà Rồng, thành phố Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh) rời Tổ quốc đi sang Pháp. Người vừa lao động để kiếm sống, vừa học tập, nghiên cứu các học thuyết cách mạng.

Từ năm 1911 đến năm 1917, Người đã đến nhiều nước ở châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ đã tận mắt thấy cuộc sống khổ cực của nhân dân và những tội ác, thủ đoạn của chủ nghĩa thực dân. Người cho rằng nhân dân lao động các nước, trong đó có giai cấp công nhân, đều bị bóc lột có thể là bạn của nhau, còn chủ nghĩa đế quốc, bọn thực dân ở đâu cũng là kẻ bóc lột, là kẻ thù của nhân dân lao động.



Con tàu Latútso Torêvin đưa Bác rời Tổ quốc đi sang Pháp



Tại Đại hội toàn quốc Đảng Xã hội Pháp ở thành phố Tua (nước Pháp) tháng 12/1920, đồng chí Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp

Năm 1917, Người tham gia phong trào công nhân Pháp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Năm 1919, Người tham gia "Hội những người Việt Nam yêu nước" vào Đảng Xã hội Pháp- đảng của giai cấp công nhân Pháp. Người đã cùng với một số nhà yêu nước Việt Nam thảo ra bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* lấy tên Nguyễn Ái Quốc gửi Hội nghị Vécxây đòi quyền tự do dân chủ cho nhân dân Việt Nam. Đây là tiếng nói chính nghĩa đầu tiên của đại biểu phong trào giải phóng dân tộc.

Tháng 7/1920, Người đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin* trên báo L'Humanité (Nhân Đạo). Khi đọc *Luận cương* của Lênin, Người hiểu hơn về chủ nghĩa Lênin, Quốc tế Cộng sản, về cách mạng vô sản, về phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Từ bản *Luận cương* của Lênin, Người đã tìm thấy phương hướng và đường lối cơ bản của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, trong đó có cách mạng Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Lênin, từ một người Việt Nam yêu nước trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đây là bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, một sự chuyển biến về chất, kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Giai đoạn từ năm 1920 đến năm 1930

Cùng với những nhà hoạt động cách mạng của các thuộc địa Pháp, Người thành lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa và xuất bản báo *Người cùng khổ* (Le Paria) bằng tiếng Pháp vào năm 1922. Trong bài *Lời kêu gọi* đăng ở số báo đầu tiên, Người cũng chỉ ra mục đích của tờ báo là đấu tranh để giải phóng con người. Trong thời gian hoạt động ở Quốc tế Cộng sản, Người chỉ ra tình cảnh của giai cấp công nhân, nông dân nghèo ở các nước thuộc địa đang chết dần vì đói rét, bệnh tật và kêu gọi Quốc tế Cộng sản giúp đỡ họ.

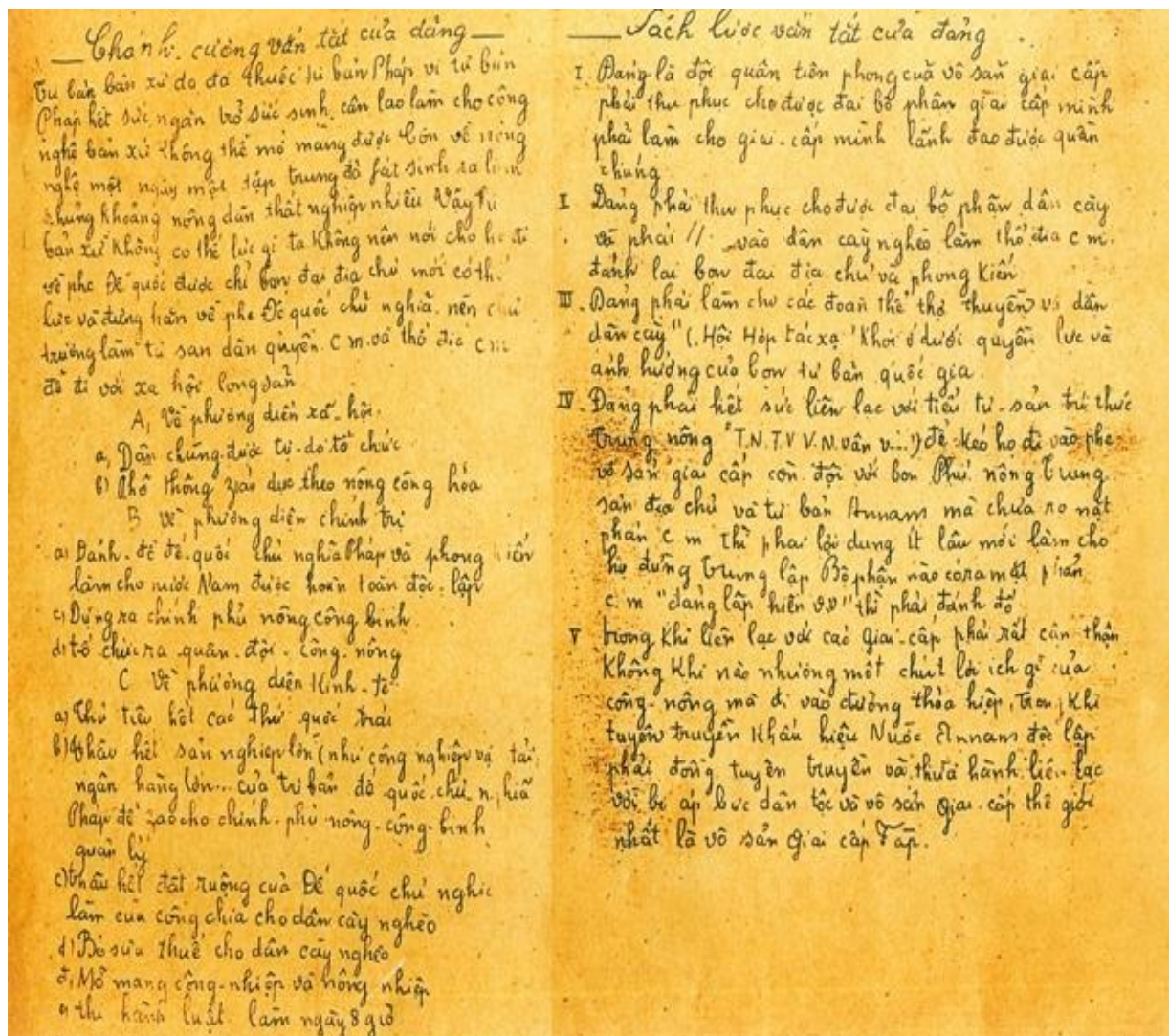
Năm 1925, Người đã viết tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, nhằm tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp, nêu rõ nỗi thống khổ và sức mạnh của nhân dân các nước thuộc địa.



Tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp"

Tại Quảng Châu, Người thành lập *Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội* mở lớp huấn luyện, đào tạo trực tiếp cán bộ cho cách mạng Việt Nam, ra báo *Thanh niên* bằng tiếng Việt. Đây là tờ báo cách mạng đầu tiên của Việt Nam nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin và lý luận cách mạng cho những người yêu nước. Các bài giảng của Người tại lớp huấn luyện được tập hợp in thành cuốn *Đường Cách mệnh* (1927) đề cập nhiều nội dung, nhiều vấn đề trong đường lối và phương pháp cách mạng Việt Nam. Đây là một trong những văn kiện lý luận đầu tiên của Đảng, đặt cơ sở tư tưởng cho đường lối cách mạng Việt Nam sau này. Ngoài ra, Người còn viết rất nhiều tác phẩm và nhiều bài trên báo Việt Nam độc lập, với nội dung ca ngợi truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, quật cường của dân tộc, kêu gọi các tầng lớp nhân dân tham gia vào các hội, đoàn thể cứu quốc, kêu gọi các đảng cộng sản ở chính quốc phải giúp đỡ phong trào giải phóng ở thuộc địa. Thông qua báo chí và các hoạt động thực tiễn, Người tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam; Người đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục,

khởi dậy tinh thần dân tộc, hướng dẫn xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang góp phần tạo ra một cao trào cứu nước mạnh mẽ để đón thời cơ, tiến tới tổng khởi nghĩa giành độc lập, tự do cho dân tộc.



Năm 1930, Người chủ trì Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản, thành lập ra một Đảng Cộng sản thống nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Thông qua Chính cương văn tắt, Sách lược văn tắt, Điều lệ văn tắt do Nguyễn Ái Quốc dự thảo, các văn kiện này trở thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Bản Cương lĩnh chính trị thể hiện rõ sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết mối quan hệ giai cấp-dân tộc- quốc tế về đường lối cách mạng Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mở đầu một thời kỳ mới trong lịch sử dân tộc, đưa nhân dân Việt Nam bước vào cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do cùng các dân tộc bị áp bức, đấu tranh giải phóng dân tộc, xóa bỏ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, góp phần giải phóng loài người khỏi bóc lột và bất công. Người đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử, trở thành Người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh chính trị đúng đắn đã chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối, phương pháp và tổ chức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Chính cương văn tắt, Sách lược văn tắt do Nguyễn Ái Quốc dự thảo

Giai đoạn từ năm 1930 đến năm 1945

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mở đầu cho một thời kỳ mới trong lịch sử của dân tộc. Tuy Đảng vừa mới ra đời nhưng đã trực tiếp lãnh đạo cao trào cách mạng 1930-1931, đỉnh cao là Xô Viết Nghệ Tĩnh. Tháng 10/1930, Hội nghị Trung ương Đảng đã họp và ra nghị quyết: Hội nghị hiệp nhất Đảng do Nguyễn Ái Quốc chủ trì là phạm sai lầm, chỉ lo đến việc phản đế mà quên lợi ích giai cấp đấu tranh, việc phân chia thành trung, tiểu, đại địa chủ trong sách lược của Đảng là không đúng nên Hội nghị đã bỏ tên “Đảng Cộng sản Việt Nam” mà lấy tên là “Đảng Cộng sản Đông Dương” hoạt động theo như chỉ thị của Quốc tế Cộng sản. Bên cạnh đó, Đại hội I của Đảng Cộng sản Đông Dương ở Ma Cao vẫn cử đồng chí Nguyễn Ái Quốc là đại biểu chính thức của Đảng đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Điều đó chứng tỏ quan điểm và uy tín của Người trong Đảng vẫn rất lớn.

Tháng 10/1934, Người được vào học Trường Quốc tế Lênin. Cuối năm 1936, Người trúng tuyển vào lớp nghiên cứu sinh, ngành lịch sử của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Do chiến tranh ngày một ác liệt, Người không thể yên tâm ngồi học mà nóng lòng muốn trở về nước hoạt động. Năm 1938, Người đã gửi thư cho Quốc tế Cộng sản bày tỏ nguyện vọng được về nước.

Trước khi về nước, trong thời gian khi còn hoạt động ở nước ngoài, dù đã từng bị tù đầy trong lao tù đế quốc vượt qua bao khó khăn gian khổ nhưng Người vẫn kiên định thực hiện con đường đã chọn là giải phóng dân tộc. Người vẫn luôn theo dõi tình hình trong nước, kịp thời chỉ đạo cách mạng Việt Nam. Được Quốc tế Cộng sản chấp thuận, vào ngày 28-01-1941, Người trở về Việt Nam sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài.

Tháng 05/1941, Hội nghị Trung ương lần thứ tám họp tại Pác Bó (Cao Bằng) dưới sự chủ trì của Người. Hội nghị quyết định thành lập “Việt Nam độc lập đồng minh”, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh vào ngày 19/05/1941.



Hội nghị Trung ương VIII của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Pác Bó (Cao Bằng), dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc.

Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập, là tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam.



Buổi lễ thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng Quân

Ngày 18/08/1945, Người viết thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, lật đổ chế độ phong kiến, lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp và giành lại độc lập dân tộc từ tay phát xít Nhật. Đây là thắng lợi to lớn của dân tộc vừa là sự kế thừa truyền thống của cha ông ta trong lịch sử, vừa là sự tiếp thu, vận dụng sáng tạo của chủ nghĩa Mác-Lênin và sự lãnh đạo tài tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày 02/09/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* lịch sử, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Bản tuyên ngôn khẳng định quyền tự do, độc lập của các dân tộc và nói lên ý chí của toàn dân quyết đem tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”



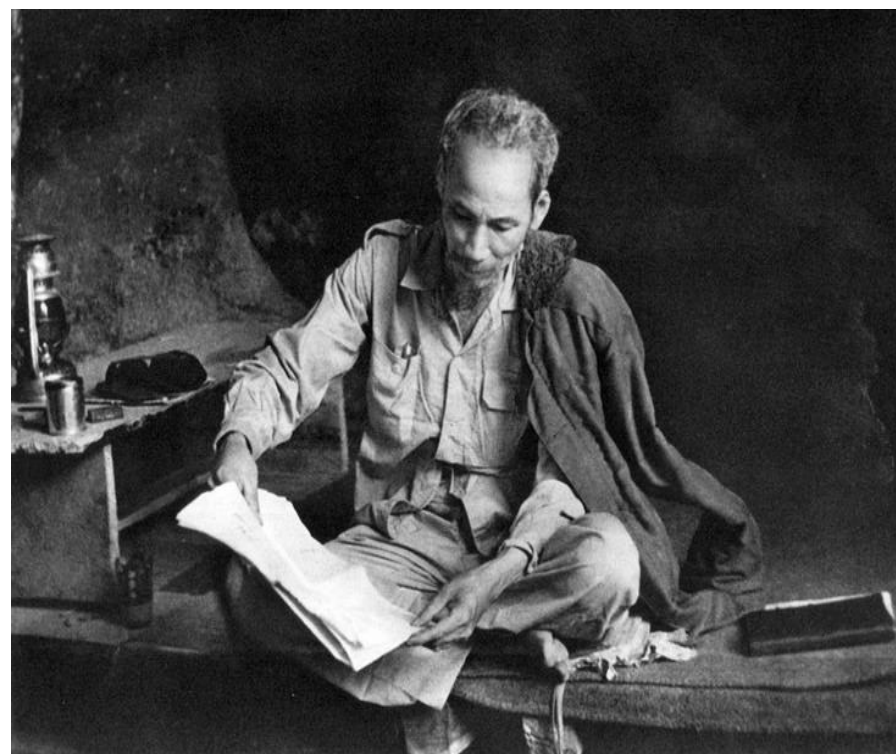
Bản Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện lịch sử có giá trị to lớn, trong đó độc lập, tự do gắn với phương hướng phát triển lên chủ nghĩa xã hội là tư tưởng chính trị cốt lõi vốn đã được Người phác thảo lần đầu trong Cương lĩnh của Đảng năm 1930, nay đã trở thành hiện thực cách mạng đồng thời trở thành chân lý của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng xã hội mới của dân tộc Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản “Tuyên ngôn độc lập” tại quảng trường Ba Đình

Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1969

Mới giành được chính quyền chưa được bao lâu thì thực dân Pháp đã núp sau quân đội Anh, đã nổ súng ở Nam Bộ. Ở miền Bắc, hơn 20 vạn quân Tưởng kéo vào hòng thực hiện âm mưu tiêu diệt Đảng và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Vận mệnh dân tộc lúc đó như “ngàn cân treo sợi tóc”.

Trước tình thế đó, Người đã chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua thác ghềnh hiểm trở. Người cùng Trung ương Đảng một mặt lãnh đạo đồng bào Nam Bộ kháng chiến, mặt khác chăm lo xây dựng Đảng, củng cố chính quyền non trẻ, đẩy lùi giặc đói, giặc dốt, khắc phục nạn tài chính thiếu hụt. Về đối ngoại, Người vận dụng sách lược mềm dẻo, khôn khéo, thêm bạn, bớt thù. Nhờ vậy mà tháng 12-1946, chính quyền cách mạng trong cả nước được giữ vững với tư thế sẵn sàng và lòng tin sắt đá vào cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ nhưng nhất định thắng lợi.



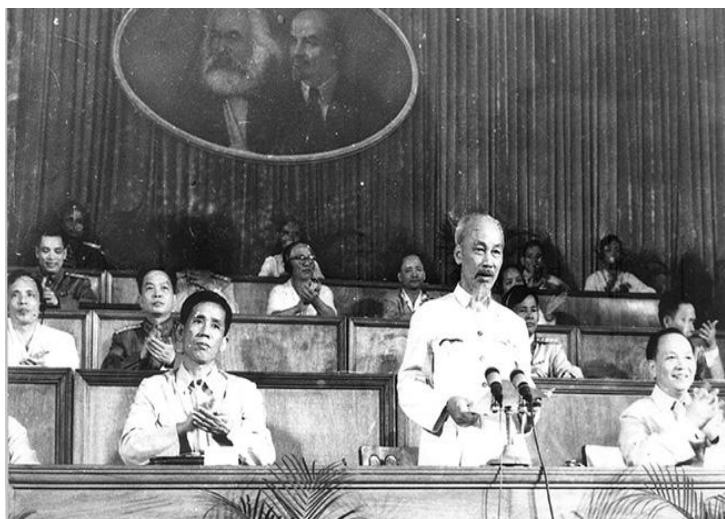
Bác Hồ ngồi làm việc trong hang đá ở chiến khu Việt Bắc năm 1951

Người ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”: “Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!” Người đề ra đường lối kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh, kiên quyết chiến đấu bảo vệ tổ quốc với ý chí “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Năm 1951, Người cùng Trung ương Đảng quyết định triệu tập Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng, đưa Đảng ra công khai với tên là Đảng Lao động Việt Nam và bầu Người làm Chủ tịch Ban chấp hành Trung ương Đảng. Đại hội đã thông qua Cương lĩnh mới, Điều lệ mới của Đảng đề ra chủ trương, đường lối đúng đắn, giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp nhằm động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đẩy mạnh kháng chiến đưa đến thắng lợi ở Điện Biên Phủ lịch sử (năm 1954) lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu.



Chủ tịch Hồ Chí Minh (giữa), Đại tướng, Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp (ngoài cùng bên phải) và các đồng chí trong Bộ chỉ huy chiến dịch



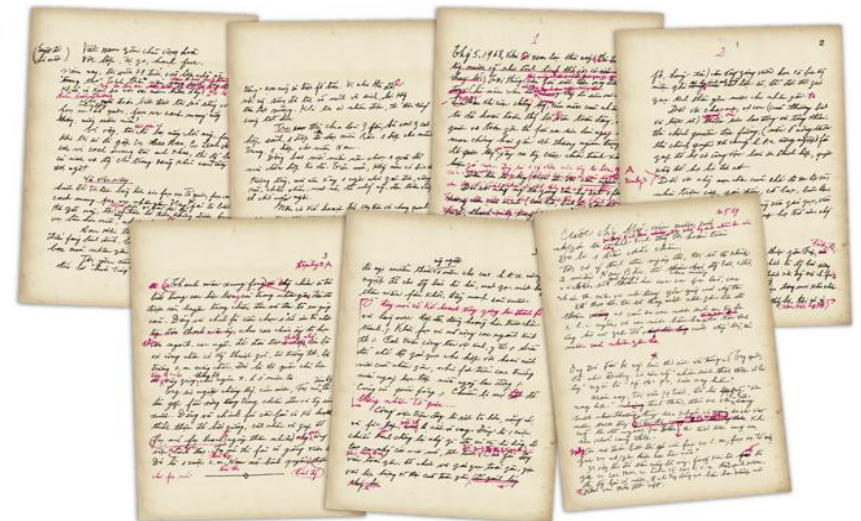
Bác Hồ tại Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng

Tháng 7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, miền Bắc được giải phóng, nhưng miền Nam vẫn bị đế quốc Mỹ xâm lược. Người cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân cả nước đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Năm 1960, Đại hội lần thứ III của Đảng, Người được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Người nêu ra hai nhiệm vụ chiến lược: “Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”. Cả hai nhiệm vụ đều nhằm mục tiêu chung là củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ.

Năm 1965, trước thất bại của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ đã chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ”. Chúng dùng mọi thủ đoạn, mọi phương tiện hiện đại đẩy mạnh chiến tranh phá hoại bằng hải quân, không quân kể cả máy bay chiến lược B.52. Người đã ra *Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước*, Người nói: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!” Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chí Minh, đồng bào và chiến sĩ từ hậu phương đến tuyến tuyến đã phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, với tinh thần dũng cảm đã đoàn kết chiến đấu lần lượt đánh thắng mọi chiến lược của kẻ thù và giành được thắng lợi vẻ vang nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.

Ngày 02/09/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã qua đời, Người để lại cho nhân dân Việt Nam bản *Di chúc* thiêng liêng. *Di chúc* là những lời căn dặn cuối cùng đầy tâm huyết, nói lên tình sâu nghĩa nặng của Người với nước, với dân; nói lên niềm tin tất thắng ở sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Đề ra những phương sách lớn để xây dựng lại đất nước sau chiến tranh nhằm thực hiện mục tiêu: “Xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”. *Di chúc* là một văn kiện lịch sử vô giá, kết tinh trong đó cả tinh hoa tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp của Người đã suốt đời phấn đấu hy sinh vì Tổ quốc và nhân loại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam – Thời đại độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong suốt chặng đường hoạt động cách mạng, Người đã vạch đường chỉ lối cho cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người luôn là kim chỉ nam dẫn đường cho chúng ta học tập và noi theo.



Bản *Di Chúc* viết tay của Chủ tịch Hồ Chí Minh

